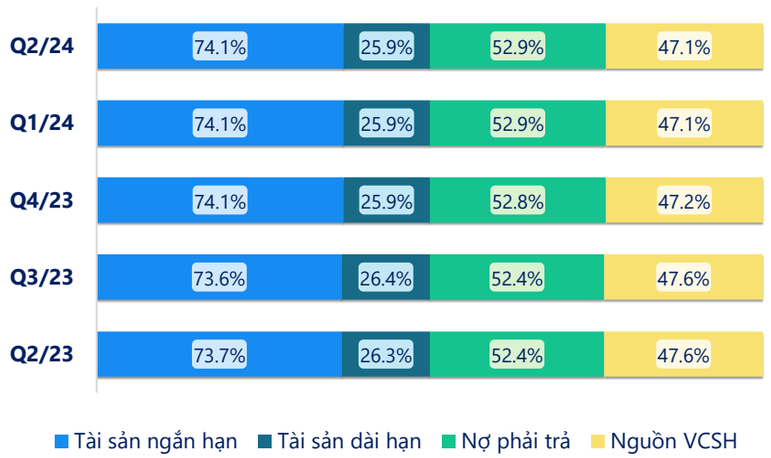
FireAnt

CTCP Đầu tư PVR Hà Nội (UPCOM: PVR)

Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	1,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	1,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	700
SL cổ phiếu LH	51,906,713
KLGD BQ 20 phiên (CP)	35,500
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	52
P/E	-5.8
EPS	-172

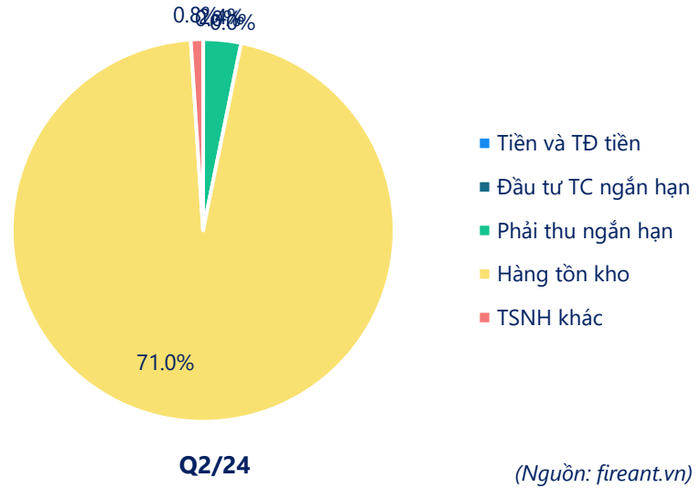
	YTD	1T	3T	6T
PVR	42.9%	42.9%	-23.1%	25.0%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%

Cơ cấu Tổng tài sản



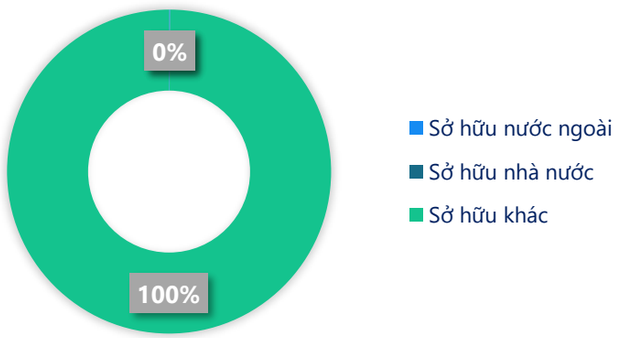
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



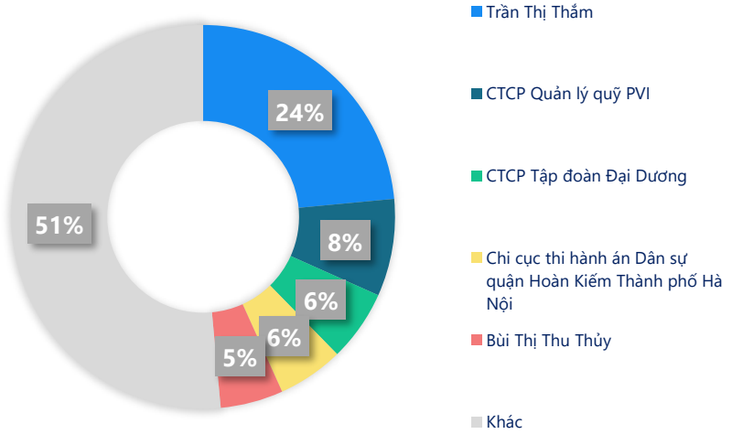
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



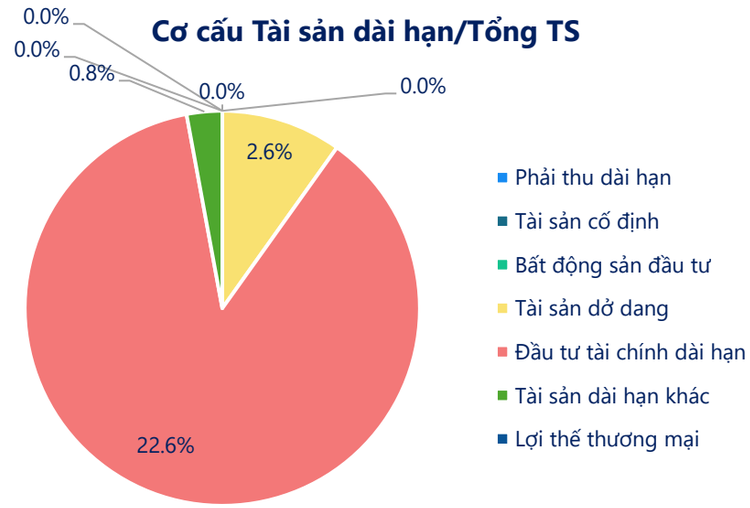
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

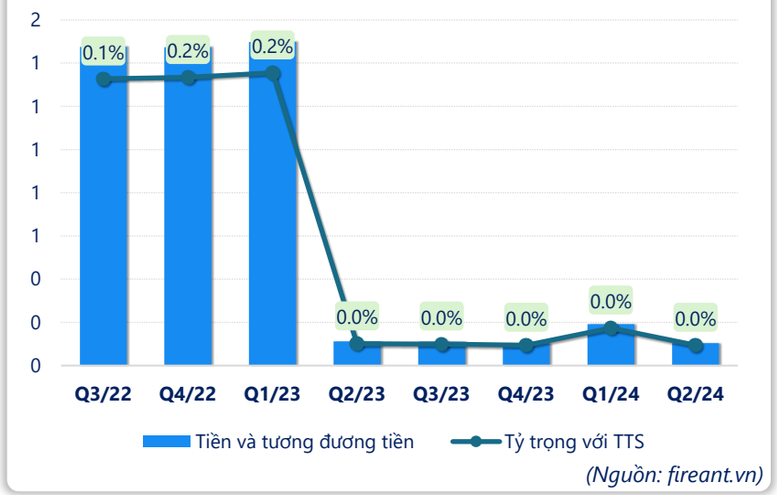


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

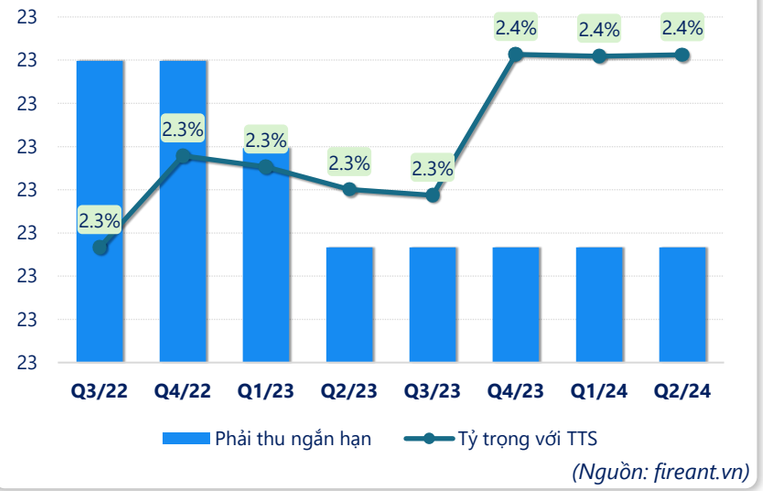
CTCP Đầu tư PVR Hà Nội (UPCOM: PVR)

Tiền và tương đương tiền



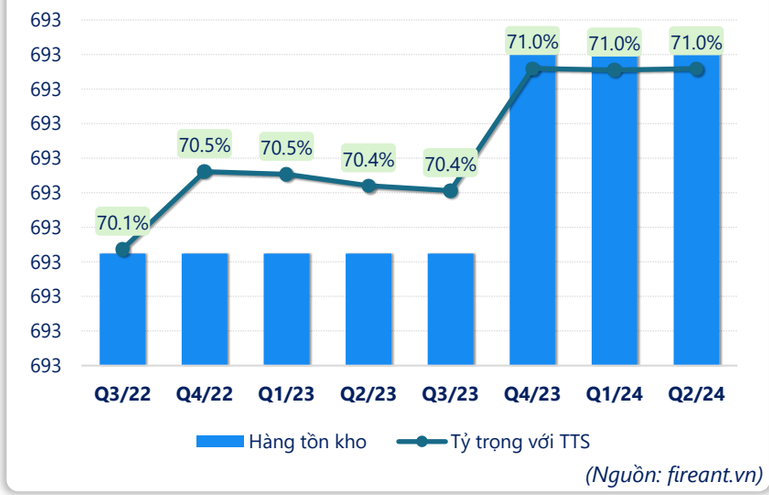
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



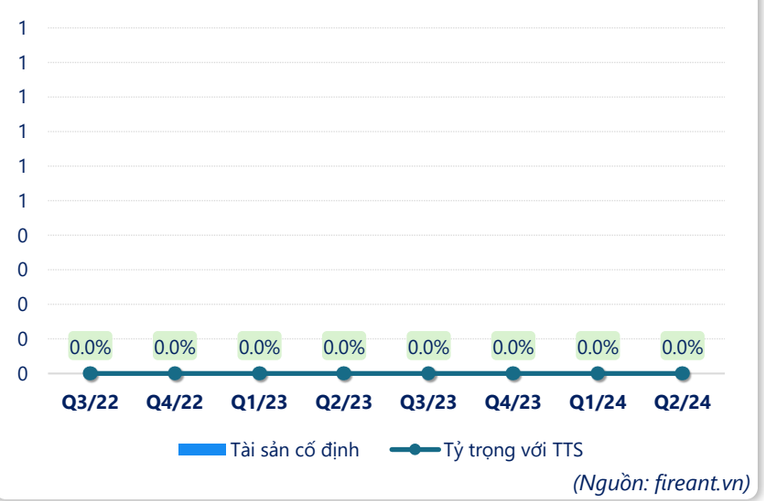
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



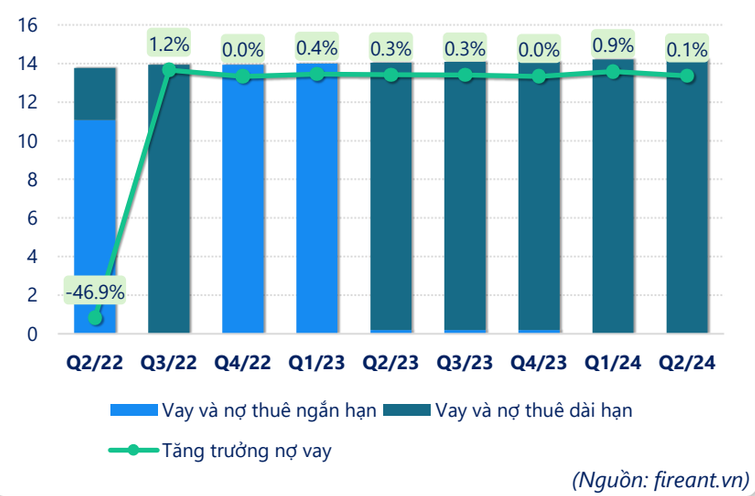
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



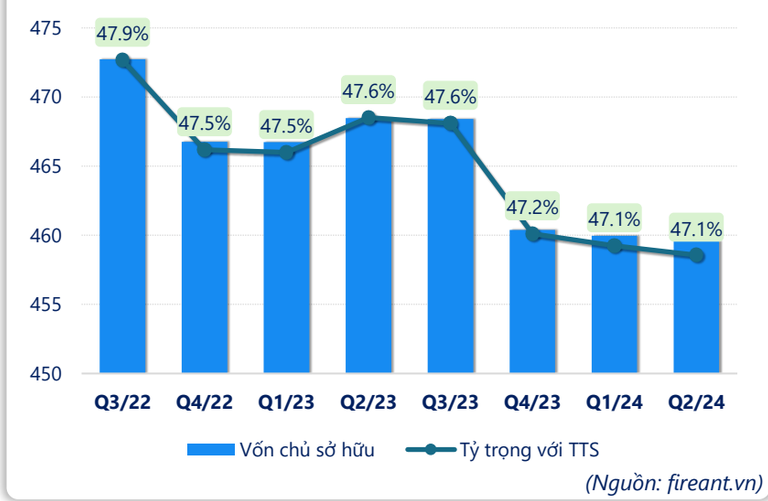
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

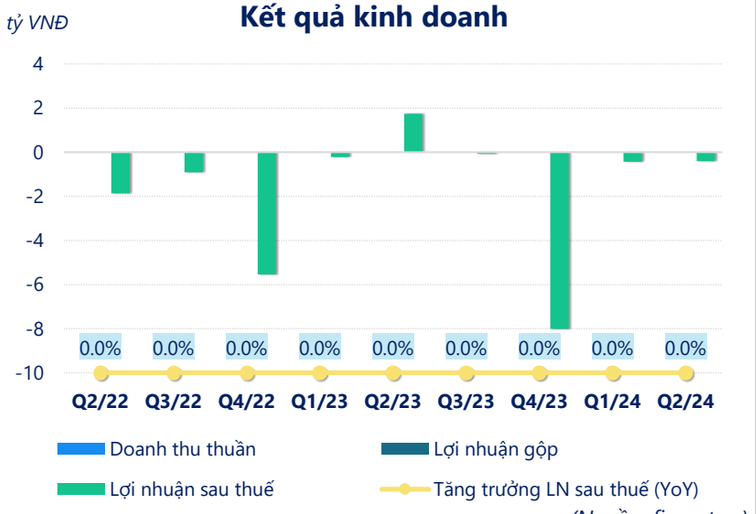


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

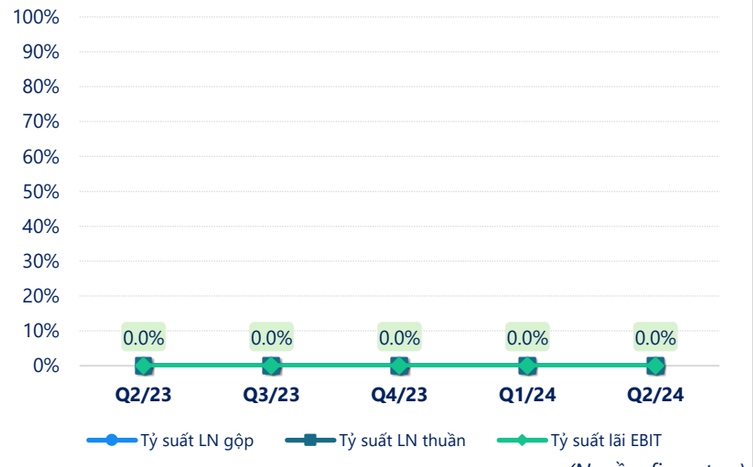
CTCP Đầu tư PVR Hà Nội (UPCOM: PVR)

Kết quả kinh doanh



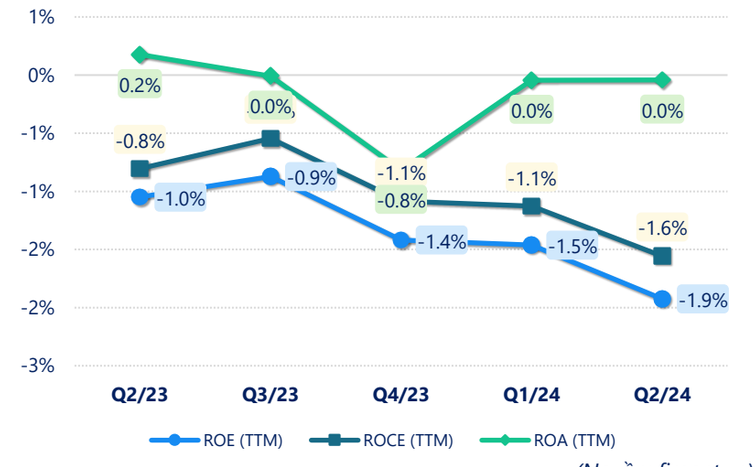
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



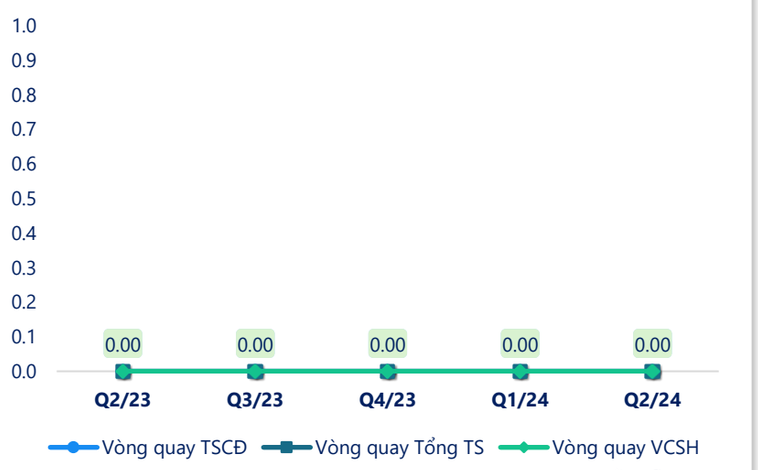
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



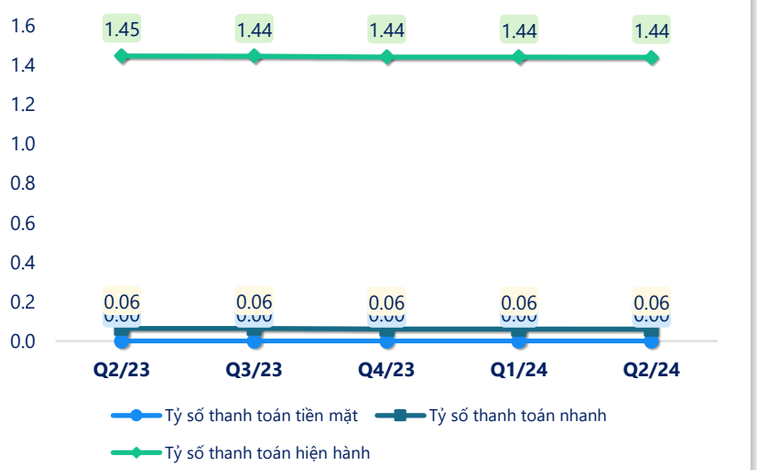
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



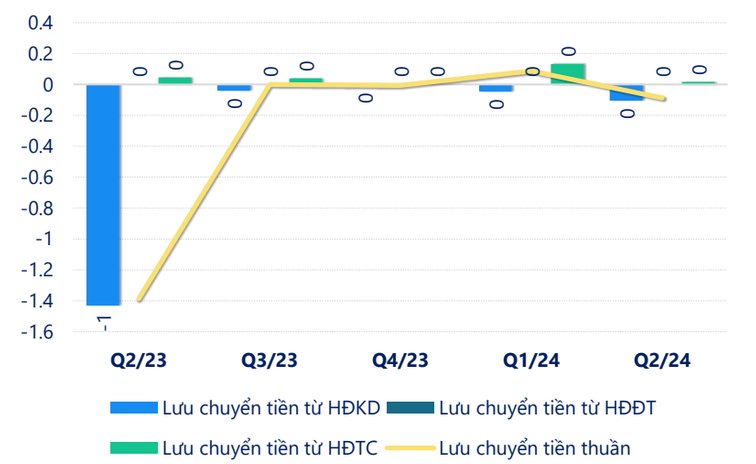
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư PVR Hà Nội (UPCOM: PVR)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**976**	**976**	**0.0%**
Tài sản ngắn hạn	723	723	0.0%
Tiền và tương đương tiền	0.10	0.10	-0.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	23.0	23.0	0.0%
Hàng tồn kho	693	693	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	7.48	7.47	0.2%
Tài sản dài hạn	**253**	**253**	**0.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	24.9	24.9	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	220	220	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**7.34**	**7.34**	**0.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	517	516	0.2%
Nợ ngắn hạn	**502**	**502**	**0.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0.20	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	48.1	48.1	0.0%
Nợ dài hạn	14.2	13.9	2.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	14.2	13.9	2.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**460**	**460**	**-0.2%**
Vốn chủ sở hữu	**460**	**460**	**-0.2%**
Vốn điều lệ	531	531	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	0	0	0	0	0
Giá vốn hàng bán	0	0	0	0	0
Lợi nhuận gộp	0	0	0	0	0
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	-1.78	0.06	7.78	0.37	0.37
Chi phí lãi vay	0.36	0.37	0.37	0.37	0.37
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	0.04	0.01	0.11	0.06	0.04
LN thuần từ HĐKD	1.74	-0.07	-7.89	-0.43	-0.41
Lợi nhuận khác	0	-0.01	-0.12	0	0
LN trước thuế	1.74	-0.08	-8.01	-0.43	-0.41
Lợi nhuận sau thuế	1.74	-0.08	-8.01	-0.43	-0.41
LNST của CĐ cty mẹ	1.74	-0.08	-8.01	-0.43	-0.41

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.43	-0.04	-0.01	-0.05	-0.10
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.05	0.04	0	0.13	0.02
Tiền đầu kỳ	1.50	0.11	0.11	0.10	0.19
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.39**	**0.00**	**-0.01**	**0.09**	**-0.09**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.11	0.11	0.10	0.19	0.10

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic